

Phụ lục số 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Cam Hồng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán giao năm 2026					Thực hiện đến 30/6/2026					Đơn vị: Triệu đồng So sánh DT/TH				
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
		NS trung ương	NS địa phương	Chia ra			NS trung ương	NS địa phương	Chia ra			NS trung ương	NS địa phương	Chia ra	
				NS cấp tỉnh	NS cấp Xã				NS cấp tỉnh	NS cấp Xã				Tỉnh	Xã
Tổng cộng	208.011	5.282	202.729	8.750	193.979	301.808	8.133	293.674	14.647	279.029	145,09		144,86	167,39	143,85
I. Thu ngân sách NN trên địa bàn	47.214	5.282	41.932	8.750	33.182	66.516	8.133	58.382	14.647	43.737	140,88		139,23	167,39	131,81
Số thu trong cân đối không kể CQSDĐ	12.182	32	12.182		12.182	11.837	209	11.628	330	11.300	97,17		95,46		92,76
1. Thuế CTN và DV NQD	2.883	-	2.883	-	2.883	5.958	-	5.958	3	5.955	206,66		206,66		206,54
+ GTGT	1.614		1.614		1.614	4.491		4.491		4.491	278,28		278,28		278,28
+ TNDN	440		440		440	487		487		487					
+ Tiêu thụ ĐB	3		3		3	1		1		1					
+ Tài nguyên	826	-	826		826	978		978	3	975					
3. Lệ phí trước bạ	5.680	-	5.680		5.680	2.527		2.527		2.527	44,49		44,49		44,49
4. Thuế SD ĐNN	-			-	-	-		-							
5. Thuế SD đất phi Nông nghiệp	18	-	18		18	43		43		43	238,35		238,35		238,35
6. Thu tiền thuê đất	212	32	180		180	502,05	75	427	341	88	236,82	-	237,32		
7. Thu tiền sử dụng đất	35.000	5.250	29.750	8.750	21.000	54.678	7.924	46.754	14.317	32.437	156,22		157,16	163,62	154,46
8. Thu cấp quyền khai thác	-	-	-			252,40		252	6	247					
9. Thu phí và lệ phí	622	-	622	-	622	416,72	54,66	362,06	-	362,06	67,00		58,21		58,21
+Phí tài nguyên	411		411		411	-		-							
+ Môn bài	-	-	-			-		-							
+ Các loại phí khác	211		211		211	416,72	54,66	362,06		362,06					
10. Thuế thu nhập cá nhân	1.381		1.381		1.381	1.993		1.993	(20)	2.013	144,33		144,33		145,78
11. Thu khác	1.418	-	1.418	-	1.418	145	79	66	-	66	10,23		4,64		4,64
II. Thu chuyển nguồn	2.943		2.943		2.943	65.283		65.283		65.283					
III. Thu kết dư ngân sách						-		-							
IV. Thu bổ sung từ NS cấp trên	157.854	-	157.854	-	157.854	170.009	-	170.009	-	170.009	107,70		107,70		107,70
1. Bổ sung cân đối	90.092		90.092		90.092	90.092		90.092		90.092	100,00		100,00		100,00
2. Bổ sung thực hiện chính sách tiền lương	30.943		30.943		30.943	30.943		30.943		30.943	100,00		100,00		100,00
3. Bổ sung có mục tiêu	36.819		36.819		36.819	48.974		48.974		48.974	133,01		133,01		133,01

Phụ lục số 2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Cam Hồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện đến 30/6/2026	So sánh TH/DT (%)
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>193.979</u>	<u>123.229</u>	<u>63,53</u>
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	26.003	44.707	171,93
II	Chi thường xuyên	164.873	78.522	47,63
1	Chi sự nghiệp kinh tế	7.704	6.311	81,92
2	Chi khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo	424	21	4,88
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	76.495	31.158	40,73
4	Chi sự nghiệp y tế	13.546	6.680	49,32
5	Chi sự nghiệp VH TT - TDTT	409	193	47,26
6	Chi sự nghiệp phát thanh	149	18	12,35
7	Chi đảm bảo XH	33.499	16.728	49,94
8	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	26.084	13.964	53,53
9	Chi an ninh	2.134	1.342	62,87
10	Chi quốc phòng	2.628	2.009	76,47
11	Chi sự nghiệp môi trường	945	97	10,29
12	Chi khác ngân sách	857		
III	Các nhiệm vụ chi khác			
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên			
V	Dự phòng ngân sách	3.103		

Phụ lục số 2.1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cam Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
I		Dự toán giao	5.155
		Dự toán giao đầu năm 2026	3.103
		Bổ sung từ nguồn tiết kiệm chi năm 2025	2.052
II		Kinh phí đã thực hiện	2.654
1	Phòng Văn hóa & Xã hội	Thực hiện bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp	450,00
2	Công an xã	Cấp KP hỗ trợ bảo vệ An ninh trật tự kỳ thi tuyển sinh lớp 10 và tốt nghiệp THPT	11,00
3	Công an xã	Cấp KP hỗ trợ Công an xã tham gia hội thi lực lượng BV ANTT cơ sở giỏi cấp Cụm	50,00
4	Văn phòng HĐND & UBND	Cấp kinh phí hỗ trợ thôn Tân Hoà tổ chức ngày hội Biên phòng toàn dân	5,00
5	Đồn Biên phòng Ngư Thủy	Cấp KP hỗ trợ Đồn Biên phòng Ngư Thủy thực hiện nhiệm vụ quản lý, BV chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới	20,00
6	Ban chỉ huy Quân sự xã	Cấp kinh phí hỗ trợ thăm, tặng quà các đơn vị huấn luyện và dự lễ tuyên thệ chiến sĩ mới nhập ngũ	23,50
7	Phòng Kinh tế	Cấp BS kinh phí thực hiện tiêm phòng Vắc xin cho đàn chó, mèo theo KH 1249/KH-UBND	17,00
8	Công an xã	Cấp Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo Đề án 06	30,00
9	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tuyến Quốc lộ 9C đoạn qua xã Cam Hồng	360,00
10	Phòng Kinh tế	Nạo vét khe cát cầu Troong thôn Đặng Lộc 3 và thôn Tân Tiến	300,00
11	Các đơn vị	Thực hiện các dự án đầu tư	1.387,00
		Dự toán còn lại	2.502

Phụ lục số 2.2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cam Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Số đã thực hiện đến 30/6	Số còn lại	Ghi chú
	Tổng cộng	22.084	12.541	9.544	
A	NGUỒN TĂNG THU NGÂN	17.817	9.376	8.441	
I	Tăng thu tiền sử dụng đất	13.191	7.988	5.203	
1	Chi trả nợ, tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng	13.191	7.988	5.203	
II	Tăng thu ngân sách trong cân đối trừ tiền sử dụng đất	4.626	1.388	3.238	
1	Thực hiện chính sách tiền lương	3.238		3.238	
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách	1.388	1.388	0	
B	DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI	4.267	3.165	1.103	
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách	665	660	5	
2	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, thực hiện các chính sách an sinh xã hội	1.098		1.098	
3	Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng	2.505	2.505	0	

Phụ lục số 2.3

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CÁC NGUỒN NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số

/BC-UBND ngày

tháng 7 năm 2026 của UBND xã Cam Hồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng dự toán 2026	Thực hiện đến 30/6/2026	Còn lại
	TỔNG CỘNG	18.153	6.685	11.468
I	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	3.535	651	2.884
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất CN, TTCN, du lịch, dịch vụ	200		200
2	Hỗ trợ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp	200		200
3	Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, xây dựng các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác	1.000		1.000
4	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất	1.215	562	653
5	Kinh phí thực hiện vận hành điện chiếu sáng, các nhiệm vụ khác	920	89	831
II	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐT VÀ DẠY NGHỀ	8.285	3.070	5.215
1	Kinh phí tăng trưởng cơ sở vật chất ngành giáo dục, trường chuẩn quốc gia	2.000	1.400	600
2	Kinh phí dự phòng biến động lương, tiết kiệm chi thường xuyên, nhiệm vụ đột xuất, an sinh xã hội	4.751	1.527	3.224
3	Kinh phí phục vụ mục tiêu phát triển giáo dục, dự phòng một số chế độ chính sách và các nhiệm vụ trọng tâm khác	1.534	143	1.391
III	SỰ NGHIỆP Y TẾ	160	-	160
3	Chi thực hiện các nhiệm vụ về y tế, phòng, chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số và gia đình	160		160
IV	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	184		184
V	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, TDTT	239	65	174
1	Kinh phí phục vụ các hoạt động văn hoá, thể thao	239	65	174
VI	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	49		49
1	Chi phát thanh truyền hình và một số nhiệm vụ đột xuất	49		49
VII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	1.186		1.186
1	Bảo hiểm xã hội tự nguyện các đối tượng	1.139		1.139
2	Kinh phí chi đảm bảo xã hội khác	47		47
VIII	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	1.446	1.261	185
1	Dự phòng biến động lương, các nhiệm vụ an sinh xã hội	282	271	11
2	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên, chi một số nhiệm vụ đột xuất khác	1.164	990	175
IX	CHI SN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	835	60	775
X	Chi Quốc phòng	1.527	1.527	-
XI	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	707	51	656

Phụ lục 2.4

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN TỈNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TRONG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Cam Hồng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Số QD	Ngày tháng	Nội dung	Dự toán tính bổ sung mục tiêu	Số đã phân bổ cho đơn vị thực hiện đến 30/6/2026	Số còn lại	Ghi chú
A	B	C	D	1	2	3	4
			Tổng số tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu trong năm năm đến 30/6/2026	12.156	12.024	132	
1	558	09/02/2026	KP thực hiện thăm, tặng quà theo Chương trình tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, đón Tết Nguyên Đán (Mẹ VNAH, Lão thành cm)	12,0	12,0	-	
2	559	09/02/2026	KP thực hiện công tác bầu cử đại biểu QH khóa XVI và ĐB HĐND các cấp NK 2026-2031	640,3	640,3	-	
3	828	11/03/2026	KP thực hiện công tác bầu cử đại biểu QH khóa XVI và ĐB HĐND các cấp NK 2026-2031	50,0	50,0	-	
4	981	24/3/2026	Kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2025 (lần 2 - đợt 1)	1.714,2	1.582,4	132	
5	988	24/3/2026	KP hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa năm 2025	2.539,0	2.539,0	-	
6	989	24/3/2025	KP chính sách ưu đãi người có công	310,8	310,8	-	
7	1482	17/04/2026	Kp thực hiện chính sách NĐ 154	62,031	62,031	-	
8	1670	06/5/2026	KP đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sx ĐVHC và XD chính quyền địa phương 02 cấp	2.000,0	2.000,0	-	
9	1704	08/5/2026	KP hoạt động của trạm y tế xã	4.773,8	4.773,8	-	
10	1704	08/5/2026	Kinh phí CTMTQG giảm nghèo (Mã CTMT 10473)	53,5	53,5	-	